

Biểu số:

4102.N/TDĐT-SVHTTDL

Ban hành theo Thông tư số
16/2022/TT-BVHTTDL ngày
22 tháng 12 năm 2022

Ngày nhận báo cáo: 20 tháng
02 năm sau

TỶ LỆ GIA ĐÌNH THỂ THAO

Năm ...

Đơn vị báo cáo:

Sở VHTTDL; Sở VHTT

Đơn vị nhận báo cáo:
Tổng cục Thể dục thể
thao

Chỉ tiêu	Mã số	Số gia đình thể thao (Hộ)	Tỷ lệ gia đình thể thao (%)
A	B	1	2
Tổng số	01		
Chia theo cấp huyện (<i>Ghi theo danh mục đơn vị hành chính</i>)			
	02		
...	...		

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm.....
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

HƯỚNG DẪN, GIẢI THÍCH CÁCH GHI BIỂU MẪU BÁO CÁO THỐNG KÊ
(Kèm theo Thông tư số: 16/2022/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

Biểu số 4102.N/TDTT-TCTDTT: Tỷ lệ gia đình thể thao

1. Khái niệm, phương pháp tính

Gia đình thể thao là hộ gia đình có tổng số thành viên tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên chiếm từ 50% trở lên tổng số thành viên trong gia đình.

Công thức tính: Số gia đình thể thao được xác định bằng tỷ lệ phần trăm (%) của tổng số gia đình thể thao so với tổng số hộ gia đình trên địa bàn.

$$\text{Tỷ lệ gia đình thể thao (\%)} = \frac{\text{Tổng số gia đình thể thao trong năm}}{\text{Tổng số hộ gia đình}} \times 100$$

2. Cách ghi biểu

a) Phạm vi thu thập số liệu: Thống kê tỷ lệ gia đình thể thao trong năm báo cáo.

b) Thời kỳ thu thập số liệu: Số liệu tính từ 01/01 đến 31/12 của năm báo cáo.

c) Cách ghi biểu:

- Các cột:

Cột A: Chỉ tiêu;

Cột B: Mã số;

Cột 01: Ghi số gia đình thể thao;

Cột 02: Ghi tỷ lệ gia đình thể thao.

- Các dòng:

Dòng 1: Tổng số;

Từ dòng 03 trở đi: Ghi theo danh mục đơn vị hành chính cấp huyện.

3. Nguồn số liệu: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Văn hóa và Thể thao.

